

Bản án số: 333/2021/HS-ST
Ngày 17-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung;
2. Bà Ngô Hồng Lan Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng An, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2021 tại Hội trường A, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 241/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2021, đối với bị cáo:

Bạch Văn N, sinh năm 1998 tại tỉnh Đắk Lắk; thường trú: Thôn B, xã E K, thành phố B M Th, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Bạch Văn Th, sinh năm 1974 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1974; bị cáo có 02 em ruột, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Bị hại: Anh Vũ Xuân N1, sinh năm 1990; thường trú: Số M, đường BL, thôn S, xã Đ K, huyện Đ L, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở: Tổ B, khu phố T Ph 1, phường T B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1974; thường trú: Thôn B, xã E K, thành phố B M Th, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

***Người tham gia tố tụng khác:**

- Người chứng kiến: Ông Nguyễn Quang V; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bạch Văn N1 và anh Vũ Xuân N, có quen biết với nhau và ở chung dãy nhà trọ tại địa chỉ B, khu phố T Ph 1, phường T B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Khoảng 18 giờ ngày 16/8/2019, trong lúc ngồi nhậu tại phòng trọ của anh N1, N hỏi mượn xe mô tô của anh N1 để đi gặp bạn thì được anh N1 đồng ý. N điều khiển xe mô đi gặp bạn, sau đó N mở yên xe để cất đồ vào hộc dưới yên xe thì nhìn thấy có một bóp da và 01 thẻ ATM của anh N1, N đóng yên xe lại và điều khiển xe mô tô về trả cho anh N1. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, anh N1 và bạn nghỉ nhậu, bạn của anh N1 ra về còn anh N1 đi ngủ. Do thời gian trước đây anh N1 có đưa thẻ ATM và sổ mật khẩu cho N đi rút tiền, nên N nhớ mật khẩu thẻ ATM của anh N1, thấy anh N1 ngủ, N lấy thẻ ATM của anh N để đi rút tiền chiếm đoạt. N lấy thẻ ATM của anh N1, ra trụ ATM ngân hàng Vietcombank, gần ngã tư 550, thuộc phường D A, thành phố D A, tỉnh Bình Dương, tại trụ ATM N kiểm tra thẻ còn dư số tiền 61.000.000 đồng, nên N rút chiếm đoạt tổng số tiền 60.500.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được tiền N đi về phòng trọ lấy đồ quần áo rồi bỏ trốn.

Ngày 09/11/2019, anh Vũ Xuân N1 làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố D A, tỉnh Bình Dương, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố D A, lập hồ sơ điều tra xác minh tin báo. Đến ngày 10/3/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố D A, tỉnh Bình Dương, ra quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội Trộm cắp tài sản để điều tra xử lý.

Ngày 06/11/2020, do thời hạn điều tra đã hết, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố D A, tỉnh Bình Dương, ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án.

Ngày 24/5/2021, Bạch Văn N đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D A, tỉnh Bình Dương đầu thú khai nhận hành vi chiếm đoạt số tiền 60.500.000 đồng của anh Vũ Xuân N1, cùng ngày Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D A, tỉnh Bình Dương, phục hồi điều tra vụ án, khởi tố bị can đối với Bạch Văn N, lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú để điều tra về tội Trộm cắp tài sản cho đến nay.

Tại cáo trạng số: 261/CT – VKS - DA ngày 22 tháng 7 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Bạch Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hà Đình N với mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo tác động gia đình thỏa thuận bồi thường cho bị hại Vũ Văn N1 số tiền 60.000.000 đồng, bị hại N1 không yêu cầu gì khác nên trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không tranh luận, đối đáp gì với đại diện Viện kiểm sát, trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 23 giờ ngày 16/8/2019, tại địa chỉ số B, khu phố T Ph 1, phường T B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương, Bạch Văn N đã lén lút chiếm đoạt thẻ ATM của anh Vũ Xuân N1, sau đó N rút tổng số tiền là 60.500.000 đồng.

Như vậy, hành vi trên đây của bị cáo lén lút chiếm đoạt của bị hại số tiền 60.500.000 đồng nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số: 261/CT – VKS - DA ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện là nghiêm trọng đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức bị cáo hoàn toàn biết hành vi trộm cắp tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vì lòng tham, muốn kiếm tiền nhanh chóng không phải lao động để phục vụ nhu cầu bản thân mà bị cáo cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tác động gia đình bồi thường cho bị hại đồng thời sau khi phạm tội bị cáo đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt thể hiện bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét bị cáo phạm tội nghiêm trọng, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi phạm tội của bị cáo ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung. Đồng thời để đảm bảo cho việc thi hành án nên cần áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 145/2021/HSST-LCĐKNCT ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên áp dụng phạt tù cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo tác động với gia đình thỏa thuận bồi thường cho bị hại Vũ Văn N1 số tiền 60.000.000 đồng, bị hại N1 không yêu cầu gì khác nên trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra đối với bị cáo về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

[10] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bạch Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Bạch Văn N 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

Tiếp tục áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 145/2021/HSST-LCĐKNCT ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, kể từ khi tuyên án đến khi Bạch Văn N đi chấp hành án phạt tù.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Bạch Văn N phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA